

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 252/2024/DS-PT

Ngày: 26-06-2024

V/v: Tranh chấp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tấn

Các Thẩm Phán: Bà Châu Minh Hoàng

Bà Nguyễn Thị Hiền

-Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 04 năm 2024 về việc: Tranh chấp hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2024/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐXXPT-DS ngày 20 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc H, sinh năm 1988 (Có mặt).

Trú tại: Ấp P, xã M, huyện B, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Việt X (có mặt).

2. Bà Trương Thanh T (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp V, xã M, huyện B, tỉnh Cà Mau.

Người kháng cáo: Ông Trần Việt X là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 03 năm 2023 nguyên đơn bà Lê Ngọc H trình bày: Bà Trương Thanh T cùng chồng là ông Trần Việt X làm chủ hội, bà có tham gia các dây hội như sau:

- Dây thứ nhất: Mở ngày 25/02/2021 âm lịch, hội mệnh giá 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 02 lần, có tổng số 40 phần hội, dây hội mãi ngày 15/10/2022. Dây hội này bà tham gia 02 phần trong danh sách hội tên H tại vị trí thứ 12, 13, bà đã đóng hội đầy đủ; bà đã hót một phần, bà T, ông X giao đủ tiền hội cho bà. Phần còn lại, bà T, ông X đã giao cho bà 32.220.000 đồng, còn nợ bà 5.180.000 đồng.

- Dây thứ hai: Mở ngày 25/10/2020 âm lịch, hội mệnh giá 500.000 đồng, mỗi tháng khai 02 lần, có tổng số 55 phần hội, dây hội mãi ngày 25/01/2023 âm lịch. Dây hội này bà tham gia 08 phần trong danh sách hội viên tại vị trí thứ 05 tên (Quyền 08). Dây hội này bà đã hót 03 phần, bà T, ông X giao đủ tiền hội cho bà 02 phần, phần còn lại ông X, bà T giao còn nợ lại 10.240.000 đồng và 05 phần còn lại 16.000.000 đồng. Như vậy, bà T, ông X còn nợ bà 126.240.000 đồng.

- Dây thứ ba: Mở ngày 15/10/2021 âm lịch, hội mệnh giá 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai 02 lần, có tổng số 25 phần hội, dây hội mở đến lần thứ 14 thì bà T, ông X tuyên bố đình hội vào ngày 15/10/2022 âm lịch và có thỏa thuận bà T, ông X trả lại cho bà 14 lần x 2.000.000 đồng = 28.000.000 đồng trừ 800.000 đồng tiền hoa hồng, bà T, ông X còn nợ bà 27.200.000 đồng.

- Dây thứ tư: Mở ngày 15/7/2022 âm lịch, hội mệnh giá 50.000 đồng, hội ngày, có 04 dây hội, mỗi dây có 60 phần, 04 dây hội này hiện nay đã mãi hội. Bà tham gia mỗi dây hội là 05 phần x 04 dây hội x 55 phần x 50.000 đồng = 55.000.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, trừ 05 ngày bà chưa đóng hội = 4.500.000 đồng, như vậy bà T, ông X còn nợ bà 49.500.000 đồng.

Tổng số tiền hội bà T, ông X còn nợ bà 208.120.000 đồng. Đã qua, bà T đã trả cho bà 10.000.000 đồng, như vậy bà T, ông X còn nợ bà 198.120.000 đồng. Bà yêu cầu bà T, ông X trả cho bà 198.120.000 đồng

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Việt X trình bày: Ông X và bà T đã sống ly thân khoảng 06 năm nay, chưa ly hôn, việc bà T làm chủ hội ông không biết và không liên quan đến ông X, nên bà H yêu cầu ông X cùng phải trả tiền nợ hội 198.120.000 đồng ông X không đồng ý.

- Đối với bị đơn bà Trương Thanh T đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 23/2024/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc H. Buộc ông Trần Việt X và bà Trương Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Ngọc H số tiền là 198.120.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 29/02/2024 ông Trần Việt X có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, theo hướng không buộc ông X liên đới cùng bà T trả tiền hụi cho bà H.

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông X giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của ông Trần Việt X, sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ông Trần Việt X không đồng ý liên đới cùng bà Trương Thanh T trả tiền nợ hụi cho bà H, vì cho rằng ông và bà H đã ly thân nhưng ông không có gì chứng minh. Qua xác minh người làm chứng bà Bé T1, bà T2, bà T3, bà T4 cho rằng bà T làm chủ hụi để kiếm tiền nhằm mục đích sử dụng sinh hoạt gia đình. Bà H xác định việc ông X biết bà T làm chủ hụi vì có điện thoại cho ông X nói chuyện hụi của bà T, ông X và bà T vẫn còn sống chung như vợ chồng tại ấp V, xã Mỹ, huyện B, tỉnh Cà Mau. Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản khi “*Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;*”, bà Trương Thanh T làm chủ hụi và nợ tiền hụi bà H là trong thời kỳ hôn nhân, ông X, bà T là vợ chồng. Từ đó, án sơ thẩm buộc ông Trần Việt X có nghĩa vụ liên đới cùng bà Trương Thanh T phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Ngọc H số tiền nợ hụi là có căn cứ.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được Tòa án chấp nhận kháng cáo, nên ông Trần Việt X phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Việt X, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2024/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc H. Buộc ông Trần Việt X và bà Trương Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Ngọc H số tiền là 198.120.000 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Lê Ngọc H không phải chịu án phí. Bà Lê Ngọc H đã nộp tiền tạm ứng án phí 4.953.000 đồng tại biên lai số 0018853, ngày 19/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Trần Việt X và bà Trương Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.906.000 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Việt X phải chịu 300.000 đồng, ngày 08/03/2024 ông Trần Việt X đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm với số tiền 300.000 đồng tại lai thu số 0003277 được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Minh Tấn